

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**  
**PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.  
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 210 - 2021/KQ

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Ngày: 22/06/2021  
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 73B05/21
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/06/2021
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,50
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,26
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ=0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	18,52
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	13,89
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOQ=4,92)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	82
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	1,50
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,00
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ=0,01)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,76
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli giả định (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH



**PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

**BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

*Nguyễn Tấn Thuận*  
 Ghi chú:

*Nguyễn Văn Phong*  
 Nguyễn Văn Phong

*Võ Bá Duy Huân*  
 Võ Bá Duy Huân

- (\*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



Số: 211 - 2021/KQ

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Ngày: 22/06/2021

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyền Xuân Bình - NMN Đông Bắc Sông Cầu
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 73M<sub>1</sub>05/21
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/06/2021
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,55
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,25
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ=0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	15,83
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	11,83
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOQ=4,92)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	92
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	1,55
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,80
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ=0,01)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,48
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli giả định (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH

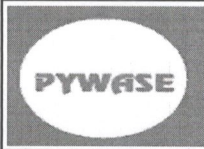
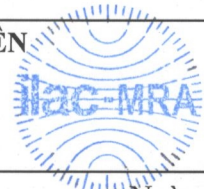
**PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC**
**PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**
**BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**





Ghi chú:

- (\*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên m:



Số: 212 - 2021/KQ

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Ngày: 22/06/2021

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối Tuyến Xuân Hải - NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 73M<sub>2</sub>05/21
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/06/2021
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,60
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,64
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,12
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	15,83
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	13,38
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	8,40
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	79
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	1,55
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,80
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ=0,01)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,23
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli giả định (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC  
PHÚ YÊN

*Nguyễn Tấn Thuận*

*Nguyễn Văn Phong*

*Võ Bá Duy Huân*

Ghi chú:

- (\*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 04

Ngày ban hành: 31/03/2020